Xy lanh kẹp dạng ống thổi **DHEB-10-E-U-S-P**

Số bộ phận: 1320821

Bảng dữ liệu

Đặc **tính**	**Giá** trị
Kích thước	10
Hành trình của kẹp dạng ống thổi	4 mm
Đường kính kẹp tối thiểu	10.5 mm
Đường kính kẹp tối đa	14 mm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động đơn lẻ đóng
Chức năng kẹp	Thích ứng
Cấu trúc xây dựng	Màng co chuỗi chuyển động cưỡng bức
Dẫn hướng	Dẫn hướng cơ bản
Phát hiện vị trí	không có
Áp suất vận hành	5 bar...8 bar
đặt lại áp suất	1 bar
Tần số làm việc tối đa của kẹp	4 Hz
Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	20 ms
Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	40 ms
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ xung
Nhiệt độ môi trường xung quanh	5 °C...60 °C
khoảng thời gian thay thế trung bình cho kẹp dạng ống thổi	1 MioCyc
Hướng dẫn giá trị tải trọng	0.1 kg
trọng lượng sản phẩm	17 g
Kiểu gắn	tùy ý: với ren ngoài với đai ốc khóa
Cổng nối khí nén	M3
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Ống thổi vật liệu	VMQ (Silicone)

Đặc **tính**	**Giá** trị
Vật liệu vỏ	Nhôm anốt hóa